

TỔNG CÔNG TY XI MĂNG VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN NĂNG LƯỢNG
VÀ MÔI TRƯỜNG VICEM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc

Số: **670**/NL&MT-KDVT

Hà Nội, ngày **28** tháng **05** năm 2026

V/v Thư mời chào giá vận chuyển than cám
từ Bãi KV Hải Phòng đi XM Sông Thao

Kính gửi: Quý khách hàng

Lời đầu tiên, Công ty Cổ Phần Năng lượng và Môi trường VICEM (Vicem E&E) xin gửi lời chào trân trọng tới Quý Công ty.

Hiện nay, Vicem E&E đang có nhu cầu vận chuyển than cám từ Bãi KV Hải Phòng đi XM Sông Thao năm 2026.

Vicem E&E kính đề nghị Quý Công ty quan tâm gửi cho chúng tôi hồ sơ chào giá dịch vụ vận chuyển, với các thông tin cơ bản như sau:

1. Gói dịch vụ vận chuyển và khối lượng vận chuyển:

TT	Gói dịch vụ	Khối lượng vận chuyển dự kiến (tấn)
1	Vận chuyển trọn gói than cám từ Bãi KV Hải Phòng đến kho NMXM Sông Thao	37.000

2. Thời gian thực hiện: đến hết ngày 31/12/2026.

3. Đơn giá chào xây dựng trên cơ sở giá dầu Diezen ngày 21/05/2026 là 28.760 đồng/lít (đã gồm VAT).

4. Thời hạn gửi Hồ sơ chào giá: 10h00 ngày 01/06/2026.

5. Hồ sơ chào giá gồm:

- Thư chào giá được ký, đóng dấu bởi người có thẩm quyền (*bản gốc*).
- Giấy đăng ký kinh doanh có danh mục ngành nghề vận tải (*bản sao*).
- Giấy cam kết là đơn vị hạch toán độc lập; Không đang trong quá trình giải thể, lâm vào tình trạng phá sản hoặc nợ không có khả năng chi trả; Không đang trong thời gian bị cấm tham dự thầu; Không bị truy cứu trách nhiệm hình sự (*bản gốc*).
- Hợp đồng vận tải vận chuyển tương tự đã thực hiện trong vòng 3 năm trở lại đây (từ 1/1/2023- đến thời điểm nộp hồ sơ chào giá) (*bản sao*): tối thiểu 01 hợp đồng.
- Hồ sơ năng lực (*bản sao các Giấy đăng ký, đăng kiểm phương tiện hoặc hợp đồng thuê phương tiện có hiệu lực tối thiểu đến 31/12/2026*):

+ Tổng trọng tải phương tiện vận tải thủy (tàu sông): ≥ 1.500 tấn.

+ Tổng tải trọng ô tô (xe tải tự đổ) ≥ 100 tấn.

+ Sở hữu phương tiện hoặc có hợp đồng thuê xếp dỡ tại KV Việt Trì, Tỉnh Phú Thọ.

Ghi chú: dự thảo hợp đồng kèm theo công văn mời chào giá.



6. Hình thức gửi Hồ sơ chào giá:

- Hồ sơ chào giá được dán niêm phong kín, bên ngoài ghi rõ các thông tin: Tên đơn vị chào giá, Tên gói dịch vụ.

- Địa chỉ nhận Hồ sơ chào giá:

Công ty CP Năng lượng và Môi trường VICEM.

Địa chỉ: Ngõ 21B Cát Linh, Phường Ô Chợ Dừa, Thành Phố Hà Nội.

SĐT người nhận: Ms. Trần Oanh - 097.8080.662.

VICEM E&E rất mong nhận được sự quan tâm và phản hồi của Quý Công ty./.

Trân trọng cảm ơn./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Website Cty;
- Lưu VT, P.KDVT.

4



DỰ THẢO HỢP ĐỒNG VẬN CHUYỂN
Vận chuyển trọn gói than cám từ Bãi KV Hải Phòng đi XM Sông Thao
Số: /NL&MT-KDVT

Căn cứ:

- Bộ luật Dân sự số 91/2015/QH13 ngày 24/11/2015;
- Biên bản thương thảo hợp đồng ký ngày .../.../2026 giữa Công ty Cổ phần Năng lượng và Môi trường VICEM và Công ty
- Quyết định số /QĐ-NL&MT ngày / /2026 của Công ty Cổ phần Năng lượng và Môi trường VICEM về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà cung cấp dịch vụ vận chuyển than cám từ bãi KV Hải Phòng đi XM Sông Thao;
- Căn cứ nhu cầu và khả năng của hai bên.

Hôm nay, ngày tháng năm 2026, chúng tôi đại diện cho các bên ký hợp đồng gồm:

I. ĐẠI DIỆN CÁC BÊN:

1. CÔNG TY CỔ PHẦN NĂNG LƯỢNG VÀ MÔI TRƯỜNG VICEM (Bên A):

- Đại diện : Ông Trần Khắc Mạnh - Chức vụ: Tổng Giám đốc
- Địa chỉ : Số 21B-Phố Cát Linh- Phường Ô Chợ Dừa -TP. Hà Nội
- Điện thoại : (024) 3.8235.837 - Fax : (024) 38457186
- Tài khoản số : 113000093007 tại Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam- Chi nhánh Chương Dương- TP. Hà Nội.
- Mã số thuế : 0100106352.
- Giấy CNĐKKD: 0100106352- Do SKHĐT TP Hà Nội cấp lần đầu ngày 24/4/2006, thay đổi lần thứ 18 ngày 19/07/2025.

2. CÔNG TY(Bên B)

- Đại diện : Ông - Chức vụ:
- Địa chỉ :
- Điện thoại : ; Email:
- Tài khoản số :
- Mã số thuế :.
- GCN ĐKKD:

Hai bên thoả thuận, thống nhất ký kết hợp đồng vận chuyển với nội dung như sau:

ĐIỀU 1. TUYỂN VẬN CHUYỂN, KHỐI LƯỢNG, LOẠI HÀNG:

- Bên A thuê bên B vận chuyển trọn gói than cám đến kho Công ty Cổ phần XM VICEM Sông Thao với các tác nghiệp:
 - + Vận chuyển đường sông từ KV Hải Phòng đến cảng KV Việt Trì;
 - + Bốc xếp từ tàu sông lên ô tô.
 - + Vận chuyển ô tô từ KV Cảng Việt Trì đến kho NMXM Sông Thao.
- Khối lượng: dự kiến 37.000 tấn, cụ thể theo xác báo tháng.
- Loại hàng: Than cám theo TCVN.

ĐIỀU 2. TRÁCH NHIỆM CỦA MỖI BÊN:

1. Trách nhiệm của bên A:

- Xác báo kế hoạch vận chuyển hàng tháng và điều chỉnh kế hoạch xác báo khi nhu cầu vận chuyển thay đổi cho bên B.
- Chuẩn bị nguồn hàng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính pháp lý của hàng hoá.
- Tổ chức xếp hàng (theo trọng tải đăng kiểm của phương tiện) tại đầu nguồn đảm bảo an toàn.
- Giao hàng xuống phương tiện của bên B và nhận hàng tại nhà cân của NMXM Sông Thao.
- Bên A giao cho các Chi nhánh của bên A tại Hải Phòng, Đại diện tổ công tác giao nhận tại Phú Thọ tổ chức giao nhận, thiết lập lưu giữ các chứng từ về vận tải hàng hoá, phối hợp điều hành và giải quyết các phát sinh khác. Xác nhận của đại diện bên A là cơ sở cho việc thanh toán và thanh lý hợp đồng.

2. Trách nhiệm của bên B:

- Cấp phương tiện vận chuyển theo xác báo của bên A theo tiến độ, khối lượng và phải chịu trách nhiệm bảo quản hàng hóa trong suốt quá trình vận chuyển từ nơi gửi hàng đến nơi trả hàng. Nếu để xảy ra hao hụt hàng hóa trong quá trình vận chuyển, bên B chịu hoàn toàn trách nhiệm bồi thường cho bên A theo quy định tại Điều 5: Nguyên tắc đối chiếu và bồi thường hàng hóa.
- Mua bảo hiểm phương tiện, bảo hiểm trách nhiệm dân sự và bảo hiểm hàng hóa.
- Yêu cầu phương tiện đường sông:
 - + Trọng tải ≥ 600 tấn/phương tiện (Chính chủ hoặc có uỷ quyền khai thác).
 - + Đủ giấy tờ hợp pháp theo quy định và không chở quá tải theo đăng kiểm.
 - + Vệ sinh sạch sẽ phương tiện trước khi tiến hành giao, nhận hàng hoá.
 - + Chấp hành các quy định của pháp luật trên đường vận chuyển và các quy định riêng tại các bến, cảng giao nhận hàng hóa.
 - + Có đầy đủ trang thiết bị để niêm phong kẹp chì, bảo vệ, bảo quản, bạt che hết hầm chứa hàng để đảm bảo: phòng, tránh không để tăng độ ẩm, mất phẩm cấp (nhảy cấp, suy giảm chất lượng) hàng hoá trong quá trình xếp, dỡ, vận chuyển và giao nhận kể cả mùa mưa bão.
 - + Có đầy đủ trang thiết bị giám sát hành trình (hoặc camera hành trình) và phải cung cấp thông tin về hành trình phương tiện (khi có yêu cầu).
- Yêu cầu xếp dỡ vận chuyển ô tô tại KV: Cảng Việt Trì đến kho NMXM Sông Thao.
 - + Năng suất xếp dỡ tối thiểu: 700 tấn/ngày.
 - + Năng suất vận chuyển ô tô tối thiểu: 700 tấn/ngày.
 - + Loại xe: xe ô tô tự đổ.

ĐIỀU 3. PHƯƠNG THỨC GIAO NHẬN HÀNG HÓA, KHỐI LƯỢNG GIAO NHẬN VÀ TỶ LỆ HAO HỤT HÀNG HÓA:

1. PHƯƠNG THỨC GIAO NHẬN HÀNG HÓA:

Đại diện các bên cùng tham gia: giám sát khối lượng giao nhận, lấy mẫu, chia mẫu, phân tích mẫu, lưu mẫu theo TCVN, ĐLVN hiện hành và quy trình của bên A, đối chiếu và khiếu nại kết quả phân tích (nếu có) với bên A.

1.1 Tại đầu nguồn:

Trước khi tiến hành giao hàng lên phương tiện cho bên B chuyên chở, đại diện hai bên cùng tiến hành kiểm tra kết cấu và các giấy tờ pháp lý, các trang thiết bị bảo quản hàng hóa, niêm phong kẹp chì của phương tiện theo quy định tại Điều 2, nếu phương tiện đủ điều kiện chuyên chở sẽ tiến hành các bước tiếp theo để giao, nhận hàng.

Việc giám định khối lượng và chất lượng ở đầu nguồn do công ty giám định thuộc Tập đoàn than khoáng sản Việt Nam (TKV), Tổng Công ty Đông Bắc hoặc do các đơn vị bán than cho bên A lựa chọn tại hợp đồng mua bán than của bên A chủ trì thực hiện và cung cấp kết quả giao nhận.

- Giao nhận về khối lượng: Giao nhận qua cân hoặc món nước, cụ thể:
- + Giao nhận qua cân: Theo phương thức, quy định tại cảng xếp, dỡ.
- + Giao nhận món nước: Theo quy định về giao nhận bằng giám định món nước hiện hành.

- Giao nhận về chất lượng: Đại diện các bên cùng tham gia: giám sát khối lượng giao nhận, lấy mẫu, chia mẫu, phân tích mẫu, lưu mẫu, đối chiếu và khiếu nại kết quả phân tích (nếu có) với bên A.

1.2 Tại cuối nguồn:

Việc giám định khối lượng và chất lượng ở cuối nguồn do phòng KCS của nhà máy Xi măng hoặc do các đơn vị giám định được nhà máy Xi măng lựa chọn chủ trì thực hiện và cung cấp kết quả giao nhận.

- Giao nhận về khối lượng: Bên B trả hàng cho bên A bằng cân ô tô, cân băng tải theo quy trình giao nhận bằng cân do Công ty VICEM Sông Thao chủ trì thực hiện và cung cấp kết quả.

- Giao nhận về chất lượng: Đại diện các bên cùng tham gia: giám sát khối lượng giao nhận, lấy mẫu, chia mẫu, phân tích mẫu, lưu mẫu, đối chiếu và khiếu nại kết quả phân tích (nếu có) với bên A.

- Độ ẩm của than giao nhận tại cảng dỡ hàng không được vượt quá so với độ ẩm của than tại cảng xếp hàng và quy định của các Công ty Xi măng. Nếu vi phạm, bên A tính phạt vượt ẩm theo cách tính của các Công ty Xi măng phạt trừ bên A, đơn vị mua than của bên A dừng giao nhận, bên A không chịu trách nhiệm về thời gian chờ đợi và có thể từ chối vận chuyển các chuyến tiếp theo của đoàn phương tiện.

2. KHỐI LƯỢNG HÀNG GIAO NHẬN, TỶ LỆ HAO HỤT HÀNG HÓA

2.1. Khối lượng giao nhận:

- Khối lượng hàng hoá giao nhận đầu nguồn là khối lượng sau khi được quy đổi về độ ẩm 8,5% theo kết quả giám định (do công ty giám định thuộc Tập đoàn than khoáng sản Việt Nam (TKV), Tổng Công ty Đông Bắc hoặc do các đơn vị bán than cho bên A lựa chọn tại hợp đồng mua bán than của bên A) cung cấp.

- Khối lượng hàng hoá giao nhận cuối nguồn là khối lượng ứng với độ ẩm thực tế giao nhận tại Nhà máy sau khi được quy đổi về độ ẩm 8,5% để tính hao hụt theo công thức TCVN, ĐLVN hiện hành.

- Khối lượng tính cước: Là số tấn ứng với độ ẩm thực tế rót xuống phương tiện tại khu vực Quảng Ninh/Hải Phòng (Trường hợp rót thiếu tải do hết than có xác nhận của bên bán than do thiếu nguồn hàng, bên B được thanh toán theo trọng tải chở hàng của tàu theo đăng kiểm).

2.2. Hao hụt tự nhiên và sai số cân cho phép: Không quá 0,5%.

ĐIỀU 4. ĐƠN GIÁ, GIÁ TRỊ HỢP ĐỒNG VÀ HÌNH THỨC THANH TOÁN:

1. Đơn giá:

STT	Danh mục dịch vụ	Khối lượng dự kiến (tấn)	Đơn giá (đồng/tấn)		Thành tiền, chưa gồm thuế GTGT (đồng)
			Chưa bao gồm thuế GTGT	Đã bao gồm thuế GTGT 8%	
1	Vận chuyển trộn gói than cám KV Hải Phòng đến kho NMXM Sông Thao				
	Tổng cộng (chưa gồm thuế GTGT)				
	Thuế GTGT 8%				
	Tổng cộng (đã gồm thuế GTGT 8%)				

- Đơn giá trên ứng với giá Dầu diesel 0,05S-II được tập đoàn xăng dầu Việt Nam Petrolimex niêm yết 21/05/2026 là 28.760 đồng/lít - đã bao gồm thuế GTGT.

- Thuế GTGT được áp dụng theo quy định hiện hành của Nhà nước.

- Khối lượng thanh toán được xác định theo tác nghiệp thực tế thực hiện, khối lượng thực tế tại đầu nguồn và giá tại thời điểm thực hiện.

- Điều chỉnh giá: Trường hợp có sự biến động về giá dầu tăng, giảm từ 10% trở lên, hai bên trao đổi, thống nhất điều chỉnh giá cước vận chuyển bằng phụ lục hợp đồng, cơ sở điều chỉnh đơn giá hợp đồng: “Bảng chiết tính đơn giá cho 01 tấn than” kèm theo hợp đồng. Trường hợp thị trường có sự biến động giá hoặc phát sinh các yếu tố khác ảnh hưởng đến giá cước, hai bên cũng có thể thương thảo để điều chỉnh đơn giá phù hợp.

2. Hình thức thanh toán: Chuyển khoản, bù trừ công nợ.

3. Thời hạn thanh toán: Sau khi bên A nhận được đầy đủ bộ chứng từ thanh toán do bên B cung cấp, bên A sẽ chuyển khoản cho bên B sau 15 ngày.

4. Chứng từ thanh toán gồm:

4.1. Hoá đơn GTGT của bên B.

4.2. Giấy vận chuyển hàng hóa.

4.3. Biên bản giao, nhận hàng hoá hai đầu.

4.4. Hoá đơn GTGT của bên bán than (bản sao).

5. Chứng từ kiểm soát:

5.1. Lệnh điều động hàng hóa

5.2. Biên bản kiểm tra phương tiện và niêm phong kẹp chì đầu nguồn.

5.3. Phiếu chất lượng hai đầu.

5.4. Các biên bản phổ thông phát sinh khác (nếu có).

ĐIỀU 5. NGUYÊN TẮC ĐỐI CHIẾU VÀ BỒI THƯỜNG HÀNG HÓA:

1. Nguyên tắc đối chiếu:

- Kết thúc tháng, hai bên đối chiếu khối lượng hàng hóa vận chuyển các tuyến (giữa đại diện bên A tại đầu nguồn và bên B) để làm cơ sở thanh toán cước tháng.

- Kết thúc quý, hai bên đối chiếu khối lượng và hao hụt hàng hoá vận chuyển để quyết toán hao hụt hàng hóa. Cụ thể:

+ Khối lượng hàng hoá vận chuyển, hao hụt hàng hóa được đối chiếu và bù trừ theo từng tuyến vận chuyển và theo chủng loại than.

+ Lượng hàng thiếu vượt quá tỷ lệ hao hụt cho phép, được bù trừ với lượng hàng thừa của các chủng loại than khác nhau, được quy thành tiền theo giá than mua đầu nguồn và bù trừ với nhau. Giá trị sau khi bù trừ ≥ 0 thì bên B không bị phạt.

- Kết thúc hợp đồng, các bên đối chiếu và thanh lý hợp đồng.

2. Bồi thường hàng hoá:

- Khối lượng hao hụt hàng hoá là chênh lệch giữa khối lượng đầu nguồn và khối lượng cuối nguồn (tương ứng độ ẩm 8,5%) trước khi phạt các yếu tố khác như tăng ẩm, nhảy cấp (nếu có).

2.1. Bồi thường hàng hóa (nếu còn niêm phong kẹp chì):

- Lượng hàng hoá thiếu hụt từng chuyến ứng với tỷ lệ hao hụt thực tế $\leq 1,4\%$ so với hàng nhận tại đầu nguồn thì được bù trừ và áp dụng tỷ lệ hao hụt tự nhiên sai số đo mớn, cân cho phép 0,5%. Kết thúc quý, sau khi bù trừ, nếu hao hụt quá tỷ lệ cho phép bên B phải bồi thường phần quá tỷ lệ đó.

- Lượng hàng hoá thiếu hụt từng chuyến ứng với tỷ lệ hao hụt thực tế $> 1,4\%$ so với hàng nhận tại đầu nguồn thì bên B không được bù trừ và không được tính tỷ lệ hao hụt tự nhiên và sai số đo mớn, cân cho phép 0,5%, mà phải bồi thường toàn bộ số hàng thiếu của chuyến đó.

- Hàng hoá thiếu hụt, tổn thất trong mọi trường hợp kể cả rủi ro (va đập vào đá ngầm, chìm, đắm...), bên B phải bồi thường 100% khối lượng theo mức: 150% giá mua than của bên A theo hoá đơn đầu nguồn + 100% cước vận tải, bao gồm cả thuế GTGT hiện hành (trừ trường hợp bất khả kháng theo luật định).

2.2. Phạt vượt ẩm quá quy định:

- Trường hợp vận chuyển thẳng đến các Công ty xi măng: Nếu độ ẩm cuối nguồn cao hơn độ ẩm đầu nguồn (theo quy định về kiểm soát chênh lệch độ ẩm cuối nguồn và đầu nguồn của các Công ty Xi măng) dẫn đến các Công ty xi măng phạt khấu trừ khối lượng hàng hóa hoặc giá trị lô hàng thì ngoài việc tính toán quy đổi để giao nhận hàng hoá theo quy định hiện hành, bên B sẽ bị phạt bổ sung toàn bộ giá trị mà các Công ty xi măng phạt bên A.

- Trường hợp vận chuyển đến các Công ty XM chưa phạt trừ vượt ẩm quá quy định hoặc vận chuyển qua bãi thì áp dụng: Nếu độ ẩm than cuối nguồn tăng quá 1,5% so với đầu nguồn mà bên B được tiến hành trả hàng: Ngoài việc tính toán quy đổi

để giao nhận hàng hoá theo quy định hiện hành bên B sẽ bị phạt bổ sung phần thuỷ phân làm tăng độ ẩm than quá 1,5% theo TCVN, ĐLVN hiện hành như sau:

$$M_{ph} = M_{CN} \times \frac{(W_{CN} - 1,5) - W_{ĐN}}{100 - W_{ĐN}}$$

Trong đó:

- M_{ph} : Khối lượng nước bị phạt trừ (tấn).
- M_{CN} : Khối lượng hàng ứng với độ ẩm thực tế cuối nguồn(tấn).
- $W_{ĐN}$: Độ ẩm thực tế đầu nguồn (%).
- W_{CN} : Độ ẩm thực tế cuối nguồn (%)
- Giá trị tính phạt do độ ẩm tăng quá 1,5 % sẽ là:
Tiền phạt = M_{ph} x giá mua than của bên A theo hoá đơn đầu nguồn.

2.3. Phạt do suy giảm chất lượng:

Nếu bên A phát hiện bên B thay đổi chất lượng than so với đầu nguồn, bên B phải bồi thường cho bên A:

a. Trường hợp than bị nhả cấp: (Theo TCVN)

Bồi thường 200% giá trị chênh lệch ứng với khối lượng hàng vận chuyển nhảy từ cấp than “A” xuống cấp than “B” theo giá bán than của đơn vị bán than cho bên A tại đầu nguồn và toàn bộ các chi phí phát sinh (nếu có).

Ngoài việc bồi thường thiệt hại trên bên A có thể tăng cường thêm một số biện pháp:

- Mức phạt bổ sung cho hành vi làm suy giảm chất lượng than từ 50-100% giá trị thiệt hại (hoặc 15% giá trị lô hàng).
- Dừng vận chuyển đối với đoàn phương tiện hoặc dừng hợp đồng tùy thuộc vào mức độ vi phạm.
- Đề nghị truy tố trước pháp luật về tội chiếm đoạt tài sản.

b. Trường hợp than chưa nhả cấp:

b.1: Phạt giá trị chênh lệch ứng với khối lượng hàng có độ tro $A^k\% > 0,5\%$ so với đầu nguồn theo công thức:

$$M_{phat} = M^{mua hàng}_{ĐN} [A^k_{CN} - (A^k_{ĐN} + 0,5)] / A^k_{ĐN}$$

Trong đó:

- M_{phat} : Khối lượng bị phạt trừ (tấn).
- $M^{mua hàng}_{ĐN}$: Khối lượng hàng ứng với độ ẩm mua hàng đầu nguồn(tấn).
- A^k_{CN} : Độ tro thực tế cuối nguồn (%).
- $A^k_{ĐN}$: Độ tro thực tế tại đầu nguồn (%)

Giá trị tính phạt do độ tro tăng $> 0,5\%$ sẽ là:

Tiền phạt = M_{phat} x giá mua than của bên A theo hoá đơn đầu nguồn.

b.2: Phạt giá trị chênh lệch ứng với khối lượng hàng có nhiệt năng Q^K của than cuối nguồn thấp hơn so với đầu nguồn theo công thức:

$$M_{\text{Phạt}} = M^{\text{mua hàng}}_{\text{ĐN}} [(Q^{\text{k}}_{\text{ĐN}} - Q^{\text{k}}_{\text{CN}}) / Q^{\text{k}}_{\text{ĐN}}]$$

Trong đó:

- $M_{\text{Phạt}}$: Khối lượng bị phạt trừ (tấn).
- $M^{\text{mua hàng}}_{\text{ĐN}}$: Khối lượng hàng ứng với độ ẩm mua hàng đầu nguồn(tấn).
- Q^{k}_{CN} : Nhiệt năng thực tế cuối nguồn.
- $Q^{\text{k}}_{\text{ĐN}}$: Nhiệt năng thực tế tại đầu nguồn.

Giá trị tính phạt nhiệt năng sẽ là:

Tiền phạt = $M_{\text{phạt}}$ x giá mua than của bên A theo hoá đơn đầu nguồn.

ĐIỀU 6. CAM KẾT CHUNG:

- Hai bên cam kết thi hành nghiêm chỉnh thực hiện đầy đủ những điều khoản và nội dung đã ký kết trong hợp đồng. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc hai bên chủ động gặp nhau bàn bạc giải quyết. Nếu không thương lượng được thì sẽ đưa ra tòa án có thẩm quyền tại TP. Hà Nội để giải quyết tranh chấp theo quy định của pháp luật. Phán quyết của tòa án sẽ là quyết định cuối cùng được hai bên thực hiện.

- Hợp đồng được lập thành 04 bản, bên A: 03 bản, bên B: 01 bản có nội dung, giá trị giống nhau và có hiệu lực kể từ ngày ký đến hết ngày 31/12/2026.

**ĐẠI DIỆN BÊN A
TỔNG GIÁM ĐỐC**

**ĐẠI DIỆN BÊN B
GIÁM ĐỐC**

Trần Khắc Mạnh

